

PHỤ LỤC SỐ 16

BẢNG GIÁ ĐẤT TẠI HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
(Kèm theo Quyết định số/2024/QĐ-UBND ngày/...../2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: 1000đ/m²

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
I	THỊ TRẤN												
1	Quốc lộ 32												
+	Đoạn từ giáp Hoài Đức đến ngã ba (Tượng đài)	46 023	29 455	23 567	21 385	19 127	11 859	6 783	5 712	11 827	7 333	4 389	3 696
+	Đoạn từ Tượng đài đến hết thị trấn Phùng (QL32 cũ)	44 022	28 174	22 542	20 455	18 295	11 344	6 488	5 464	11 313	7 014	4 198	3 535
+	Đoạn QL32 mới: từ Tượng Đài đến hết thị trấn Phùng	40 020	26 013	20 873	18 975	16 632	10 472	6 007	5 070	10 285	6 477	3 888	3 280
2	Tỉnh lộ 417 (Tỉnh lộ 83 cũ)	36 018	24 132	19 468	17 761	13 910	9 318	4 853	4 220	8 602	5 763	3 140	2 730
3	Đường Tân Hội (Từ đầu đường đến cuối đường)	36 018	24 132	19 468	17 590	13 910	9 318	4 853	4 220	8 602	5 763	3 140	2 730
4	Đường Phùng (Đường Quốc lộ 32 cũ)	44 022	28 174	22 542	20 455	18 295	11 344	6 488	5 464	11 313	7 014	4 198	3 535
5	Đường từ đường QL32 đi cụm công nghiệp thị trấn Phùng	36 018	24 132	19 468	17 590	13 910	9 318	4 853	4 220	8 602	5 763	3 140	2 730
6	Đường Phùng Hưng	28 681	19 790	16 047	14 687	8 308	6 238	4 337	3 870	5 137	3 858	2 806	2 505
7	Đường Phượng Trì (Cho đoạn từ Ngã ba giao Quốc lộ 32 (mới) tại Km21+400 đến ngã ba giao Quốc lộ 32 (cũ) tại cổng làng Phượng Trì, địa phận Xóm Dền, Xóm Chùa)	30 015	20 410	16 508	15 085	8 694	6 434	4 463	3 977	5 376	3 978	2 888	2 573

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
8	Đường Thụy Ứng (Cho đoạn từ ngã ba giao Quốc lộ 32 (mới) tại Km21 đến ngã ba giao chân đê tả Đáy tại địa phận Tổ dân phố Thụy Ứng)	30 015	20 410	16 508	15 085	8 694	6 434	4 463	3 977	5 376	3 978	2 888	2 573
9	Đường Ô Diên: Đoạn từ ngã ba giao cắt quốc lộ 32 tại Km 21 từ ngã ba giao cắt quốc lộ 32 tại Km 21 (thuộc tổ dân phố Tây Sơn, thị trấn Phùng) đến hết địa phận thị trấn Phùng đến ngã ba giao cắt đường liên xã Liên Hồng - thị trấn Phùng - Đan Phượng - Hạ Mỗ tại công làng Trúng Đích, thôn Trúng Đích, xã Hạ Mỗ	36 018	24 132	19 468	17 590	13 910	9 318	4 853	4 220	8 602	5 763	3 140	2 730
10	Đường Song Phượng: Đoạn từ ngã ba giao cắt quốc lộ 32 tại km20-Cổng chào huyện Đan Phượng (tổ dân phố Tây Sơn, thị trấn Phùng) đến ngã ba giao đê tả Đáy tại Nghĩa trang nhân dân thôn Thống Nhất, xã Đan Phượng	30 015	20 410	16 508	15 085	8 694	6 434	4 463	3 977	5 376	3 978	2 888	2 573
II	KHU VỰC GIÁP RANH												
a	Đường Quốc lộ												
1	Quốc lộ 32: Đoạn qua xã Tân Lập	42 688	27 747	22 264	20 240	13 659	10 109	8 055	6 374	8 445	6 250	5 211	4 124
b	Đường địa phương												
1	Đường tỉnh lộ 422: Đoạn qua xã Tân Lập	28 582	19 722	15 991	14 636	9 314	6 426	5 021	4 199	5 914	4 081	3 335	2 790
2	Đường đê Sông Hồng qua xã Liên Trung												
+	Đoạn đường trong đê	22 968	16 078	13 068	11 979	7 484	5 239	4 103	3 437	5 322	3 726	3 053	2 558
+	Đoạn đường ngoài đê	20 880	14 616	11 880	10 890	6 804	4 763	3 730	3 125	4 838	3 387	2 775	2 325

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
3	Đường giao thông liên xã Liên Trung	22 968	16 078	13 068	11 979	7 484	5 239	4 103	3 437	4 838	3 387	2 775	2 325
4	Đường giao thông liên xã Tân Lập	26 796	18 489	14 992	13 721	8 554	6 329	5 045	3 992	5 530	4 092	3 413	2 700
III	VEN TRỰC ĐẦU MỐI GIAO THÔNG												
a	Đường Quốc lộ												
2	Đường quốc lộ 32												
	Đường quốc lộ 32: Đoạn qua địa phận xã Đồng Tháp	30 015	20 410	16 508	15 085	8 306	7 543	6 047	5 550	5 135	4 664	3 913	3 590
b	Đường địa phương												
5	Đường tỉnh lộ 417 (đường tỉnh lộ 83 cũ)												
-	Đoạn từ giáp thị trấn Phùng đến giáp đê sông Hồng	20 138	14 499	11 840	10 885	5 573	5 359	4 337	4 005	3 538	3 402	2 881	2 660
-	Đoạn từ đê sông Hồng đến giáp huyện Phúc Thọ	14 616	10 962	9 009	8 316	4 234	4 052	3 299	3 059	2 688	2 573	2 193	2 033
6	Đường tỉnh lộ 422 (đường 79 cũ) qua địa phận xã Tân Hội và Liên Hà	24 685	17 279	14 045	12 874	6 831	6 387	5 145	4 735	4 337	4 055	3 418	3 146
7	Các tuyến đường giao thông liên xã ngoài các tuyến đường nêu trên thuộc các xã Liên Hà, Tân Hội	15 312	11 331	9 293	8 567	4 356	4 188	3 403	3 151	2 816	2 707	2 303	2 131
8	Các tuyến đường giao thông liên xã ngoài các tuyến đường nêu trên thuộc các xã Đan Phượng, Song Phượng	12 122	9 213	7 587	7 012	3 604	3 406	2 778	2 580	2 330	2 202	1 880	1 745

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
9	Các tuyến đường giao thông liên xã ngoài các tuyến đường nêu trên thuộc các xã Đồng Tháp, Hạ Mỗ, Hồng Hà, Liên Hồng, Phương Đình, Thượng Mỗ	10 527	8 106	6 688	6 189	3 130	2 996	2 450	2 276	2 024	1 937	1 658	1 540
10	Các tuyến đường giao thông liên xã ngoài các tuyến đường nêu trên thuộc các xã Thọ An, Thọ Xuân, Trung Châu	7 656	6 048	5 009	4 646	2 417	2 236	1 834	1 709	1 563	1 445	1 241	1 156
12	Tuyến đường N12 đi qua địa bàn 3 xã thị trấn gồm: thị trấn Phùng, xã Thượng Mỗ và xã Hạ Mỗ (Từ nối với đường quốc lộ 32 - đoạn từ Hoài Đức đến ngã Tượng đài đến cầu Trùng Dích xã Hạ Mỗ)	24 685	17 279	14 045	12 874	6 831	6 387	5 145	4 735	4 337	4 055	3 418	3 146
13	Đường Tân Lập: Đoạn từ ngã ba giao cắt đường Vạn Xuân tại ngã tư Trời đến ngã ba giao cắt đường liên xã Tân Lập - Tân Hội cạnh Nghĩa trang liệt sĩ xã Tân Lập	28 582	19 722	15 991	14 636	9 314	6 426	5 021	4 199	5 914	4 081	3 335	2 790
14	Đường Văn Sơn: Đoạn từ ngã tư giao cắt tại điểm cuối phố Tân Hội (cạnh chùa Thượng Hội) đến ngã ba giao cắt đê quai Liên Hà - Liên Trung, cạnh Nghĩa trang nhân dân xã Liên Hà	15 312	11 331	9 293	8 567	4 356	4 188	3 403	3 151	2 816	2 707	2 303	2 131
15	Đường Hồng Thái: Đoạn từ ngã ba giao cắt đê quai Liên Hồng và đê hữu Hồng tại thôn Tổ, xã Liên Hồng và di tích miếu Xương Ròng đến đoạn ngã ba giao cắt đường đê Tiên Tân và đê hữu Hồng tại thôn Tiên Tân, xã Hồng Hà	22 968	16 078	13 068	11 979	7 484	5 239	4 103	3 437	5 322	3 726	3 053	2 558
16	Đường Song Phượng: Từ hết địa phận thị trấn Phùng đến ngã ba giao đê tả Đáy tại Nghĩa trang nhân dân thôn Thống Nhất, xã Đan Phượng	30 015	20 410	16 508	15 085	8 694	6 434	4 463	3 977	5 376	3 978	2 888	2 573